

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HSPT

Ngày 22 – 3 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn.

Các thẩm phán:

1. Ông Hoàng Ngọc Thanh;
2. Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tống Văn Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2017/HSPT ngày 09 tháng 02 năm 2017 đối với bị cáo Đặng Thị N do có kháng cáo của bị cáo Đặng Thị N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2016/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Đặng Thị N, sinh ngày 23/12/1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Đặng Thắng L (đã chết) và bà Dương Thị N (đã chết); Có chồng là Triệu Tiến L (đã chết); có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2016 đến ngày 31/8/2016 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị N: Luật sư **Lê Thị Lạc** - Luật sư Cộng tác viên của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 45 phút ngày 19/8/2016 tổ công tác Công an huyện L đang làm nhiệm vụ tại khu vực Phố II, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện

bắt quả tang Đặng Thị N, sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đang vận chuyển hai bao tải bên trong có chứa hàng cấm (pháo nổ) tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật gồm: toàn bộ số pháo nổ và các tang vật liên quan khác.

Tại cơ quan điều tra Đặng Thị N khai nhận: Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Đặng Thị N nhận được điện thoại của một người đàn ông tên P (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) ở tỉnh Thái Nguyên là người quen của N từ trước, P đặt vấn đề sẽ gửi cho N 5.000.000 đồng và nhờ N sang Trung Quốc giúp P mua pháo nổ rồi gửi lại cho P; khi nào P nhận được pháo thì sẽ trả tiền công cho N, thì N đồng ý. Sau khi nhận được tiền do P gửi, Đặng Thị N qua cửa khẩu Chi Ma, sang Trung Quốc mua pháo và giấu vào hai bao tải dứa rồi thuê người mang hai bao tải chứa pháo này về Việt Nam theo đường mòn. Sau khi nhận về Việt Nam, N nhận hai bao tải chứa pháo rồi đến nhà Tàng Thu H (trú tại Phố 2, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) nói đây là hai bao gốc cây và gửi ở đó rồi đi thuê chỗ nghỉ. Sáng hôm sau (ngày 19/8/2016) Đặng Thị N đến nhà Tàng Thị H lấy pháo để đem đi gửi xe khách về cho P thì bị lực lượng Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang.

Tại biên bản xác định trọng lượng tang vật (pháo nổ) ngày 19/8/2016 của Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn xác định toàn bộ số pháo thu giữ của Đặng Thị N có tổng trọng lượng là 48kg (bốn mươi tám kilogam), chủng loại: Tất cả đều là pháo nổ dạng trong có chuỗi (hình lựu đạn), ngoài ra không còn loại nào khác.

Với nội dung vụ án nêu trên; Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị N phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 154; điểm h, p, l khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị N 03 (ba) tháng tù; được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam 13 ngày (mười ba ngày). Bị cáo còn phải chấp hành 02 tháng 17 ngày (hai tháng mười bảy ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 31 tháng 12 năm 2016, bị cáo Đặng Thị N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị bản án sơ thẩm số: 50/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo hướng: Đề nghị Tòa phúc thẩm thay đổi tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đặng Thị N từ tội “Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 154 của Bộ luật hình sự sang tội “Buôn lậu” theo quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự và xem xét lại mức hình phạt với bị cáo cho tương xứng với quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Thị N khai nhận đã có hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên phạt là đúng người đúng tội không oan; bị cáo chỉ kháng cáo về phần hình phạt xin hưởng án treo, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu nên không hiểu biết pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị, đề nghị hội đồng cấp phúc thẩm xét xử bị cáo về tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm p, 1 khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo là lao động duy nhất, hiện phải nuôi ba con nhỏ, do bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung, đồng thời tiêu hủy vật phạm pháp.

Người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Lê Thị Lạc có ý kiến: Đề nghị tòa xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh; trong trường hợp chuyển đổi tội danh thì đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm p, 1 khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo là dân tộc thiểu số, sống trong vùng khó khăn, trình độ thấp và lại là lao động duy nhất, đang nuôi ba con còn nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận do được người quen tên P (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) ở tỉnh Thái Nguyên nhờ đặt vấn đề sẽ gửi cho bị cáo 5.000.000 đồng và nhờ bị cáo sang Trung Quốc giúp P mua pháo nổ rồi gửi lại cho P; khi nào P nhận được pháo thì sẽ trả tiền công cho bị cáo, thì bị cáo đồng ý. Sau khi nhận được tiền do P gửi, Đặng Thị N qua cửa khẩu Chi Ma, sang Trung Quốc mua pháo và giấu vào hai bao tải dưa rồi thuê người mang hai bao tải chứa pháo này về Việt Nam theo đường mòn. Sau khi nhận về Việt Nam, N nhận hai bao tải chứa pháo rồi đến nhà Tàng Thu H nói đây là hai bao gốc cây và gửi ở đó rồi đi thuê chỗ nghỉ. Sáng hôm sau (ngày 19/8/2016) Đặng Thị N đến nhà H lấy pháo để đem đi gửi xe khách về cho P thì bị lực lượng Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang.

Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị như nội dung kháng nghị phúc thẩm đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Các tài liệu trong vụ án và lời khai của bị cáo Đặng Thị N đều thể hiện bị cáo Đặng Thị N được một người đàn ông tên P gửi tiền nhờ N sang Trung Quốc mua pháo rồi chuyển số pháo đó về cho P để nhận tiền công; Như vậy trong vụ án này bị cáo Đặng Thị N đóng vai trò là đồng phạm giúp sức cho P mua pháo từ Trung Quốc về Việt Nam để tiêu thụ; do đó bị cáo Đặng Thị N phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép pháo nổ qua biên giới. Căn cứ theo thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển,

tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo, hành vi của bị cáo Đặng Thị N đã cấu thành tội Buôn lậu theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III của thông tư “Người nào mua bán trái phép qua biên giới pháo nổ, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội “buôn lậu” quy định tại Điều 153 Bộ luật hình sự và số lượng hàng phạm pháp của bị cáo là 48 Kg pháo nổ bị coi là hàng phạm pháp có số lượng lớn. Do đó việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kháng nghị về phần tội danh với bản án số 50/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân huyện L là có căn cứ; việc cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đặng Thị N phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” là chưa phù hợp với các quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thay đổi tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đặng Thị N từ tội “Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 154 của Bộ luật hình sự sang tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Do đó cũng cần xem xét lại hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị N cho phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo; xét, bị cáo Đặng Thị N phạm tội lần đầu, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo là người đang mang thai nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo Đặng Thị N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm p, 1 khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, ngoài ra cũng nhận thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện khó khăn, trình độ lạc hậu, chồng đã chết và hiện bị cáo lại là lao động duy nhất phải nuôi dưỡng ba con nhỏ, nên có thể áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 46 bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép pháo nổ qua biên giới với số lượng 48 kg là số lượng lớn, hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn, do vậy, cần phải xử phạt bị cáo với mức cao của khung hình phạt theo khoản 1 điều 153 Bộ luật hình sự cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, để giáo dục, răn đe phòng ngừa chung; nhưng cũng nhận thấy bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội thì sẽ gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình của bị cáo và các con nhỏ sẽ không người nuôi dưỡng. Xét, căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thì việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sự cải tạo giáo dục bị cáo vẫn đảm bảo theo quy định, vì vậy, có căn cứ để chấp nhận ý kiến của vị công tố cũng như ý kiến của luật sư và yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa nên bị cáo Đặng Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,
Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Thị N, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố bị cáo: Đặng Thị N phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153; điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị N **15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/3/2017)/.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 - CA tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện. L, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện. L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện. L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã A, huyện.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn